**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THCS LƯƠNG VĂN CHÁNH**  **TỔ: GDTC – NGHỆ THUẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN (Năm học 2024 - 2025)**

**MÔN HỌC: MĨ THUẬT**

**(SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)**

**KHỐI LỚP 9**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:**  06 **; Số học sinh:**  217 **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có): …

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 02 GV MĨ THUẬT.; **Trình độ đào tạo**: Đại học:....*02*.......

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt:...........; Khá:.......; Đạt:........; Chưa đạt:........

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

**Học kì I :** 18 tuần - 18 tiết

**Học kì II :** 17 tuần - 17 tiết

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TIẾT PPCT** | **CHỦ ĐỀ**  **BÀI HỌC**  **( Chủ đề/Chương )** | **SỐ**  **TIẾT** | **THỜI**  **ĐIỂM** | **THIẾT BỊ DẠY HỌC** | **GHI CHÚ** |
| **1** | Tiết  1,2,3,4 | **CHỦ ĐỀ 01: Cuộc sống muôn màu**  **Bài 1:** Vẻ đẹp cuộc sống trong tác phẩm mĩ thuật  **Bài 2:** Thiết kế phụ kiện thời trang | 4 Tiết | Tuần  1,2,3,4 | **-** Hình ảnh, clip giới thiệu về cuộc sống.  - Hình ảnh, clip liên quan đến bài học như sản phẩm/ TPMT trình chiếu trên powerpoint để HS quan sát  - Hình ảnh một số dạng bố cục về thiết kế và phụ kiện thời trang. |  |
| **2** | Tiết 5,6,7,8 | **CHỦ ĐỀ 02: Nghệ thuật đương đại thế giới**  **Bài 3:** Một số trào lưu của nghệ thuật đương đại thế giới  **Bài 4:** Thiết kế giá đỡ thiết bị công nghệ | 4 Tiết | Tuần  5,6,7,8 | Hình ảnh một số loại hình nghệ thuật đương đại.  - Máy tính, máy chiếu, loa  - Hình ảnh thiết kế giá đỡ thiết bị công nghệ. |  |
| **3** | Tiết 9,10  11,12 | **CHỦ ĐỀ 03: Thiết kế mĩ thuật sách**  **Bài 5:** Thiết kế bìa sách  **Bài 6:** Tranh minh họa | 4 Tiết | Tuần  9,10  11,12 | **-** Hình ảnh một số sản phẩm tạo hình của các họa sĩ và học sinh về chủ đề thiết kế mĩ thuật sách.  - Hình ảnh, mẫu thực về thiết kế các loại sách từ vật liệu có sẵn.  - Clip hướng dẫn cách thiết kế bìa sách và các tranh ảnh minh họa |  |
| **4** | Tiết 13,14  15,16 | **CHỦ ĐỀ 04: Cảm hứng trong sáng tác mĩ thuật**  **Bài 7:** Cảm hứng trong sáng tác hội họa  **Bài 8:** Thiết kế hình ảnh nhận diện thương hiệu | 4 Tiết | Tuần  13,14  15,16 | - Máy tính, máy chiếu, loa  - Hình ảnh, clip giới thiệu về một số tác phẩm và hội họa  - Tranh, ảnh về thiết kế hình ảnh nhận diện thương hiệu |  |
| **5** | Tiết 17 | **Kiểm tra/ đánh giá, trưng bày cuối học kì I** | 1 Tiết | Tuần 17 | Đề kiểm tra, dụng cụ làm bài và sản phẩm bài kiểm tra  - Một số vật liệu có sẵn như: kéo thủ công, dao dọc giấy, băng keo, giấy báo, bìa, màu…hoặc các phế liệu như vỏ lon, vỏ hộp, chai, lọ… | Kiểm tra cuối HK1 |
| **6** | Tiết 18 | **CHỦ ĐỀ 5: Vẻ đẹp của nguyên mẫu trong thực hành, sáng tạo**  **Bài 9:** Tỉ lệ và hình khối của đồ vật | 1 Tiết | Tuần 18 | Tranh, ảnh hình và vật mẫu chụp khối đồ vật, các vật mẫu…  Giấy A0, bìa,bút chì, kéo màu… |  |
| **Học Kì II** | | | | | | |
| **7** | Tiết  19  20,21 | **CHỦ ĐỀ 5: Vẻ đẹp của nguyên mẫu trong thực hành, sáng tạo**  **Bài 9:** Tỉ lệ và hình khối của đồ vật  **Bài 10:** Nguyên mẫu trong tác phẩm điêu khắc | 3 Tiết | Tuần  19  20,21 | Tranh, ảnh hình và vật mẫu chụp khối đồ vật, các vật mẫu…  Giấy A0, bìa, bút chì, kéo màu…  Các vật mẫu phù điêu, mô hình… |  |
| **8** | Tiết 22,23  24,25 | **CHỦ ĐỀ 6: Nghệ thuật múa rối**  **Bài 11:** Vẻ đẹp tạo hình con rối  **Bài 12:** Tạo hình nhân vật múa rối nước | 4 Tiết | Tuần  22,23  24,25 | Các chất liệu đồ dùng vật liệu tạo hình ; len, chỉ, vải, gõ, xốp, bìa cat tông, các hình ảnh mẫu, tranh ảnh minh họa. |  |
| **9** | Tiết  26,27  28,29 | **CHỦ ĐỀ 7: Mĩ thuật đương đại Việt Nam**  **Bài 13:** Khuynh hướng sáng tác mĩ thuật  **Bài 14:** Thiết kế sản phẩm đồ gia dụng từ vật liệu đã qua sử dụng. | 4 Tiết | Tuần  26,27  28,29 | - Máy tính, máy chiếu, loa  - Hình ảnh, clip giới thiệu về một số tác giả, tác phẩm mĩ thuật Việt Nam thời kì đương đại  - Một số hình ảnh và sản phẩm về nghệ thuật thiết kế đồ gia dụng từ vật liệu đã qua sử dụng. |  |
| **10** | Tiết 30,31 | **CHỦ ĐỀ 8: Hướng nghiệp**  **Bài 15:** Ngành, nghề liên quan đến mĩ thuật ứng dụng. | 2 Tiết | Tuần  30,31 | - Máy tính, máy chiếu, loa  - Hình ảnh, video tư liệu giới thiệu về đặc trưng của ngành, nghề liên quan đến mĩ thuật ứng dụng. |  |
| **11** | Tiết 32,33 | **CHỦ ĐỀ 8: Hướng nghiệp**  **Bài 16:** Đặc trưng của ngành, nghề liên quan đến mĩ thuật ứng dụng. | 2 Tiết | Tuần 32,33 | - Hình ảnh, clip giới thiệu ngành, nghề liên quan đến mĩ thuật ứng dụng.  - Hình ảnh, video tư liệu giới thiệu về đặc trưng của ngành, nghề liên quan đến mĩ thuật ứng dụng. |  |
| **12** | Tiết  34,35 | **Kiểm tra/ đánh giá cuối học kì II**  **Trưng bày sản phẩm cuối năm** | 2 Tiết | Tuần  34,35 | Đề kiểm tra, dụng cụ làm bài và sản phẩm bài kiểm tra  Bài vẽ và sản phẩm, mô hình trưng bày | Kiểm tra cuối HK2  Trưng bày sản phẩm |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng học bộ môn | 1 | Các tiết học chính khóa | Phòng học |
| 2 | Sân trường | 1 | Bài 7: Cảm hứng trong sáng tác hội họa | Sân trường |
| 3 | Sân trường (Hội trường, phòng học đa năng) | 1 | Trưng bày kết quả học tập của HS | Sân trường |

**II. Kế hoạch dạy học**

1. **Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **\*\*\*\*HỌC KÌ I\*\*\*\*** | | | | | |
| **TT** | **Chủ đề** | **Bài học** | **Số tiết** | **Tiết PPCT** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | **Chủ đề 1: Cuộc sống muôn màu** | Bài 1: Vẻ đẹp cuộc sống trong tác phẩm mĩ thuật  *- Dạy lồng ghép môn GDQP-AN* | 2 | 1, 2 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Nhận biết được vẻ đẹp cuộc sống trong tác phẩm mĩ thuật với các hình thức khác nhau.  - Lựa chọn được bố cục thể hiện vẻ đẹp cuộc sống trong thực hành sáng tạo sản phẩm mĩ thuật.  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Mô phỏng được hình ảnh có tỉ lệ phù hợp với nguyên mẫu.  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Cảm nhận được vẻ đẹp trong cuộc sống, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.  - Trung thực trong đánh giá TPMT/SPMT.  *- Dạy lồng ghép môn GDQP-AN: phân tích tranh ảnh về các tác phẩm mĩ thuật cách mạng để giáo dục HS tình yêu quê hương đất nước và trách nhiệm của thế hệ sau trong việc đấu tranh bảo vệ đất nước.* |
| Bài 2: Thiết kế phụ kiện thời trang | 2 | 3, 4 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Nhận biết được vẻ đẹp của hình ảnh, họa tiết, màu sắc trong thiết kế sản phẩm phụ kiện thời trang  - Hiểu về tính liên kết đồng bộ giữa phụ kiện và trang phục trong thiết kế thời trang  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Có ý thức khai thác hình ảnh trong thực hành, sáng tạo.  - Vận dụng được vẻ đẹp cuộc sống vào thiết kế phụ kiện thời trang  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Có ý thức tìm hiểu thiết kế phụ kiện thời trang trong cuộc sống đương đại |
| 2 | **Chủ đề 2: Nghệ thuật đương đại thế giới** | Bài 3: Một số trào lưu của nghệ thuật đương đại thế giới | 2 | 5, 6 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Nhận biết được một số trào lưu nghệ thuật đương đại trên thế giới  - Hiểu được đặc điểm sáng tạo của một số trào lưu nghệ thuật đương đại  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Sáng tạo được sản phẩm mỹ thuật theo trào lưu nghệ thuật đương đại yêu thích  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Có ý thức tìm hiểu tinh hoa mĩ thuật thế giới trong cuộc sống và học tập |
| **Bài 4:** Thiết kế giá đỡ thiết bị công nghệ  **(Kiểm tra giữa HK1)** | 2 | 7, 8 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Biết được một số kiểu dáng giá đỡ thiết bị công nghệ (điện thoại, máy tính bảng…)  - Hình thành ý tưởng trong thiết kế sản phẩm giá đỡ thiết bị công nghệ  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Vận dụng được kiến thức thiết kế tạo dáng sản phẩm trong thực hành sáng tạo giá đỡ thiết bị công nghệ  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Yêu thích và có ý thức tìm hiểu về lĩnh vực thiết kế để vận dụng vào cuộc sống |
| 3 | **Chủ đề 3: Thiết kế mĩ thuật sách** | Bài 5: Thiết kế bìa sách | 2 | 9, 10 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Nhận biết được các thành phần cơ bản của một bìa sách  - Hiểu được yêu cầu cơ bản về phương pháp thiết kế bìa sách  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Vận dụng được kiến thức bố cục, màu sắc nghệ thuật chữ trong thiết kế bìa sách  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Có hiểu biết và yêu thích lĩnh vực thiết kế bìa sách |
| Bài 6: Tranh minh họa | 2 | 11, 12 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Hiểu được vai trò của tranh minh họa trong thể hiện nội dung sách  - Biết chuyển thể từ hình tượng văn học sang hình tượng tạo hình trong tranh minh họa  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Vẽ tranh minh họa thể hiện được nội dung phù hợp với thể loại sách  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Có hiểu biết và yêu thích thể loại tranh minh họa |
| 4 | **Chủ đề 4: Cảm hứng trong sáng tác mĩ thuật** | Bài 7: Cảm hứng trong sáng tác hội họa  *- Dạy lồng ghép môn GDQP-AN* | 2 | 13, 14 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Nhận biết được dạng cảm hứng sáng tạo trực tiếp và cảm hứng sáng tạo chủ quan trong sáng tác hội họa  - Hiểu cách tạo cảm hứng trong thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Vận dụng được cách tạo cảm hứng để thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật từ thực tiễn cuộc sống  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Có ý thức rèn luyện nuôi dưỡng cảm xúc nghệ thuật trước vẻ đẹp thiên nhiên cuộc sống  *- Dạy lồng ghép môn GDQP-AN: phân tích tranh ảnh lực lượng vũ trang tham gia xây dựng nông thôn mới để giáo dục HS Tình yêu quê hương đất nước.* |
| Bài 8:Thiết kế hình ảnh nhận diện thương hiệu | 2 | 15, 16 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Phân biệt được tín hiệu nhận biết riêng biệt của thương hiệu trên sản phẩm thiết kế  - Hiểu được vai trò thiết kế hình ảnh nhận diện thương hiệu trong lĩnh vực thiết kế đồ họa  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Vận dụng nét đẹp từ thiên nhiên, cuộc sống để tạo nên đặc điểm nhận diện thương hiệu  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Yêu thích và sử dụng được thông điệp hình ảnh để giới thiệu, truyền thông về sản phẩm |
| 5 |  | **Kiểm tra/ đánh giá cuối**  **học kì I.** | 1 | 17 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - HS có biết cách tìm ý tưởng từ các nguồn khác nhau như: ảnh, tranh, hay những hình ảnh trong bài thơ, bài văn, bài hát.  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - HS có chủ động lựa chọn vật liệu và cách thể hiện SPMT theo yêu cầu của các chủ đề.  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  Nhận xét đánh giá được sản phẩm của bản thân và bạn. |
| 6 | **Chủ đề 5: Vẻ đẹp của nguyên mẫu trong thực hành, sáng tạo** | Bài 9: Tỉ lệ và hình khối của đồ vật  **(Tiết 1)** | 1 | 18 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Nhận biết được cấu trúc tỉ lệ của đồ vật theo các khối cơ bản  - Hiểu cách mô phỏng đồ vật từ yếu tố tạo hình chấm net hình màu để tạo chất cảm khác nhau trên bề mặt  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Sáng tạo thực hiện sản phẩm mỹ thuật mô phỏng được vẻ đẹp nguyên mẫu của đồ vật từ các kỹ năng khác nhau  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Có ý thức tìm hiểu sự đa dạng từ vẻ đẹp của đồ vật về hình dáng màu sắc và chất cảm |
| **\*\*\*\*HỌC KÌ II\*\*\*\*** | | | | | |
| 7 | **Chủ đề 5: Vẻ đẹp của nguyên mẫu trong thực hành, sáng tạo** | Bài 9: Tỉ lệ và hình khối của đồ vật  **(Tiết 2)** | 1 | 19 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Nhận biết được cấu trúc tỉ lệ của đồ vật theo các khối cơ bản  - Hiểu cách mô phỏng đồ vật từ yếu tố tạo hình chấm net hình màu để tạo chất cảm khác nhau trên bề mặt  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Sáng tạo thực hiện sản phẩm mỹ thuật mô phỏng được vẻ đẹp nguyên mẫu của đồ vật từ các kỹ năng khác nhau  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Có ý thức tìm hiểu sự đa dạng từ vẻ đẹp của đồ vật về hình dáng màu sắc và chất cảm |
| Bài 10: Nguyên mẫu trong tác phẩm điêu khắc | 2 | 20, 21 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**   * Nhận biết được vẻ đẹp của nguyên mẫu trong tác phẩm điêu khắc   - Hiểu về cách thể hiện vẻ đẹp của nguyên mẫu trong sản phẩm điêu khắc  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Mô phỏng được vẻ đẹp của nguyên mẫu trên bình diện kỹ thuật và phong cách  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Có ý thức tìm hiểu và thưởng thức tác phẩm nghệ thuật |
| 8 | **Chủ đề 6: Nghệ thuật múa rối** | Bài 11:Vẻ đẹp tạo hình con rối | 2 | 22, 23 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Nhận biết được một số loại hình múa rối  - Hiểu về cách tạo hình con rối que và rối bóng  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Thể hiện tạo hình rối que hoặc dỗi bóng theo kịch bản yêu cầu  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Yêu thích và có ý thức bảo tồn văn hóa truyền thống của dân tộc trong đời sống đương đại |
| Bài 12: Tạo hình nhân vật múa rối nước  **(Kiểm tra giữa học kì 2)** | 2 | 24, 25 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Nhận biết được vẻ đẹp tạo hình của nghệ thuật múa rối nước ở Việt Nam  - Hiểu được về đặc điểm tạo hình của nhân vật múa rối nước  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Vận dụng khai thác vẻ đẹp tạo hình của nhân vật dưới nước trong thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Có ý thức tìm hiểu tự hào về loại hình nghệ thuật múa rối nước độc đáo của dân tộc |
| 9 | **Chủ đề 7: Mĩ thuật đương đại Việt Nam** | Bài 13: Khuynh hướng sáng tác mĩ thuật | 2 | 26, 27 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Biết đến một số khuynh hướng sáng tác trong thời kỳ đương đại ở Việt Nam  - Hiểu về sự đa dạng trong khuynh hướng sáng tác của Mỹ thuật đương đại Việt Nam  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Thực hành sáng tạo được sản phẩm mỹ thuật theo khuynh hướng sáng tác yêu thích  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Nâng cao thị hiếu thẩm mỹ và ý thức tìm hiểu về khuynh hướng sáng tác mỹ thuật |
| Bài 14: Thiết kế sản phẩm đồ gia dụng từ vật liệu đã qua sử dụng. | 2 | 28, 29 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Nhận biết được lĩnh vực thiết kế đồ gia dụng từ vật liệu đã qua sử dụng  - Hiểu biết thiết kế đồ gia dụng đảm bảo sự hài hòa giữa tính công năng và thẩm mỹ  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Vận dụng kiến thức kỹ năng tạo hình để thiết kế và trang trí một số sản phẩm đồ gia dụng từ vật liệu đã qua sử dụng phù hợp với công năng sử dụng  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Nhận định phân tích được sự hài hòa giữa sản phẩm tác phẩm và môi trường xung quanh |
| 10 | **Chủ đề 8: Hướng nghiệp** | Bài 15: Ngành, nghề liên quan đến mĩ thuật ứng dụng. | 2 | 30, 31 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Hiểu được vai trò của mĩ thuật ứng dụng trong đời sống văn hoá xã hội.  - Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến mĩ thuật ứng dụng.  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Viết được một bài luận hoặc làm một đoạn Video clip,... giới thiệu ngành nghề liên quan đến mĩ thuật ứng dụng.  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Liên hệ thực tế và bước đầu có ý thức tìm hiều công việc liên quan đến lĩnh vực mĩ thuật ứng dụng phù hợp với năng lực bản thân. |
| Bài 16: Đặc trưng của ngành, nghề liên quan đến mĩ thuật ứng dụng. | 2 | 32, 33 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Nêu được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng  - Lên được ý tưởng và thực hiện bản vẽ thiết kế sản phẩm mỹ thuật ứng dụng  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Thể hiện được kiến thức kỹ năng liên quan trong thực hành sáng tạo sản phẩm cụ thể    **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Nhận định được lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với sở thích cá nhân |
| 11 |  | **Kiểm tra cuối**  **học kì II.** | 1 | 34 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - HS có biết cách tìm ý tưởng từ các nguồn khác nhau như: ảnh, tranh, hay những hình ảnh trong bài thơ, bài văn, bài hát.  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - HS có chủ động lựa chọn vật liệu và cách thể hiện SPMT theo yêu cầu của các chủ đề.  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**   * Nhận xét đánh giá được sản phẩm của bản thân và bạn. |
| 12 |  | Trưng bày cuối năm. | 1 | 35 | **Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:**  - Quan sát những sản phẩm của bản thân và các bạn trong lớp làm ra.  **Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:**  - Biết cách trưng bày và giới thiệu sản phẩm của bản thân.  - Rút ra bài học cho bản thân và vận dụng vào thực tế cuộc sống  **Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:**  - Cảm nhận được vẻ đẹp qua các sản phẩm do chính các em sáng tạo nên  - Nhận xét đánh giá được sản phẩm |

1. **Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
| Giữa Học kỳ 1 | Tuần 8 | Tiết 8 | Đạt (Đ): Hoàn thành hết hoặc phần lớn các yêu cầu của đề kiểm tra  Chưa đạt (CĐ): Không hoàn thành hoặc hoàn thành ít các yêu cầu đề kiểm tra | Bài thực hành |
| Cuối Học kỳ 1 | Tuần 17 | Tiết 17 | Đạt (Đ): Hoàn thành hết hoặc phần lớn các yêu cầu của đề kiểm tra  Chưa đạt (CĐ): Không hoàn thành hoặc hoàn thành ít các yêu cầu đề kiểm tra | Bài thực hành |
| Giữa Học kỳ 2 | Tuần 25 | Tiết 25 | Đạt (Đ): Hoàn thành hết hoặc phần lớn các yêu cầu của đề kiểm tra  Chưa đạt (CĐ): Không hoàn thành hoặc hoàn thành ít các yêu cầu đề kiểm tra | Bài thực hành |
| Cuối Học kỳ 2 | Tuần 34 | Tiết 34 | Đạt (Đ): Hoàn thành hết hoặc phần lớn các yêu cầu của đề kiểm tra  Chưa đạt (CĐ): Không hoàn thành hoặc hoàn thành ít các yêu cầu đề kiểm tra | Bài thực hành |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. [↑](#footnote-ref-1)